TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/HS-ST
Ngày: 12/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Khải và ông Lò Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 126/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2026/HSST-QĐ ngày 16/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2026/HSST-QĐ ngày 31/7/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vừ A S (không có tên gọi khác), sinh năm 1979, tại tỉnh Điện Biên. Số CCCD: 011079006107 cấp ngày 13/7/2022; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: không học; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: ông Vừ A S (đã chết) và mẹ đẻ: bà Ly Thị D, sinh năm 1962; Vợ: Mùa Thị B, sinh năm 1986 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án: không. Tiền sự: không; Nhân thân chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2026 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lò Thị X, sinh năm 1964. Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: UBND xã N, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thành T - Chủ tịch xã N. Người đại diện theo ủy quyền ông

Vì Văn B - Phó Chủ tịch UBND xã N. Theo văn bản ủy quyền số: 239a/QĐ-UBND ngày 23/4/2026. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch cho bị cáo: Ông Sùng A X, sinh năm 1960. Trú tại: tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Ti liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có đất trồng lúa nương, khoảng đầu tháng 11/2025, Vừ A S một mình đi bộ từ nhà ở bản H, xã N, tỉnh Điện Biên, mang theo 01 con dao quắm đến khu vực nương của gia đình đã bỏ hoang lâu năm nay có nhiều cây gỗ to nhỏ khác nhau. Đến nơi, S dùng dao quắm chặt các cây bé trước chặt trong vòng một ngày đến chiều tối cùng ngày thì nghỉ mang dao và đi bộ về nhà. Sau đó S sang nhà anh Vàng A T ở bản P, xã M, tỉnh Điện Biên hỏi mượn anh T chiếc cưa máy để cưa củi, anh T đồng ý đưa cưa máy cho S mượn. S mang cưa máy về nhà đến ngày hôm sau, S một mình mang cưa máy đi bộ đến khu vực rừng đã chặt phá hôm trước dùng máy cưa cắt những cây gỗ to đến chiều tối cùng ngày thì nghỉ mang cưa máy về trả cho anh T và chờ cho cây khô để đốt lấy đất trồng lúa nương.

Ngày 23/01/2026, ông Phạm Văn T, Kiểm lâm địa bàn thuộc Hạt kiểm lâm Thanh An – tỉnh Điện Biên, thực hiện tuần tra, kiểm tra rừng phát hiện diện tích rừng tại lô 6, 7, 10 khoảnh 11, tiểu khu 790 thuộc bản H, xã N, tỉnh Điện Biên bị chặt phá, nên đã báo tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên để xác minh, làm rõ.

Ngày 27/01/2026, Vừ A S nhận thức được hành vi chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đầu thú và giao nộp 01 con dao quắm S sử dụng để chặt phá rừng.

Ngày 28/01/2026, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định: diện tích rừng chặt phá tại lô 6, 7, 10 khoảnh 11, tiểu khu 790 thuộc địa phận bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. Tại hiện trường khu vực rừng bị chặt phá các thân cây gỗ đã bị chặt phá nằm ngổn ngang cạnh gốc cây có vết nham nhở và vết nhẵn nghi vết dao và máy cưa. Xác định có 1411 cây (gồm cây vối thuốc; cây nhội; Thẩu tấu; Thành ngạch; Trâm vối; Sòi tía; cà duối; giẻ đỏ, SP3 nhóm gỗ III, IV, V, VI, VIII) bị chặt trên diện tích 7.670 m^2.

Kết luận giám định số 01/KL-GĐ ngày 02/3/2026 của Giám định viên Tư pháp Lương Duy Hùng thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, kết luận: Diện tích rừng bị phá 7.670 m^2. Loại rừng: Rừng phòng hộ. Vị trí: thuộc lô 6, 7, 10

khoảnh 11, tiểu khu 790 thuộc địa phận bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. Trạng thái rừng: Rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo (trữ lượng 50 m^3, đến dưới 100 m^3), ký hiệu TXN. Trữ lượng gỗ bị thiệt hại trên diện tích phá 43,944 m^3/7.670 m^2.Chiều cao vút ngọn trung bình trên diện tích phá 8,75 m. Tổng số cây gỗ bị chặt hạ 1.411 cây/7.670 m^2. Chủ rừng: Diện tích rừng bị phá chưa giao, chưa cho thuê hiện do UBND xã N, tỉnh Điện Biên đang quản lý, bảo vệ theo khoản 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp.

Kết luận định giá tài sản số: 2188/KL-HĐĐGTS, ngày 20/4/2026, của Hội đồng định giá Ti sản thường xuyên lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trong tố tụng hình sự tỉnh Điện Biên, kết luận: Giá trị rừng phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với 7.670 m^2 (quy đổi 0,767 ha), tại thời điểm tháng 11 năm 2025 là: 46.008.109 đồng trong đó giá trị thiệt hại gồm: giá trị lâm sản bị thiệt hại gỗ nhóm III, IV, V, IV, VII, VIII, Củi, tổng 1411 cây bị chặt của 0,767ha là: 15.336.036đ; Giá trị quyền sử dụng rừng: 0đ; Giá trị thiệt hại môi trường rừng: 30.672.073đ.

Toàn bộ số lâm sản sau khi chặt được giao cho UBND xã N bảo vệ trong thời gian điều tra, truy tố theo biên bản giao, nhận ngày 28/01/2026. Đến ngày 23/4/2026 qua xác minh, kiểm tra lại cho thấy: hiện trường rừng bị cưa, chặt hạ cỏ cây bụi mọc tái sinh, không có dấu hiệu người dân canh tác, khai thác lâm sản. Toàn bộ số cây bị cưa chặt hạ tại hiện trường khô ải, nứt, mục nát.

Quá trình giải quyết vụ án đại diện UBND xã N yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước theo kết luận định giá Ti sản là 46.008.109 đồng và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S vì do nhận thức hạn chế, do phong tục tập quán du canh, du cư và mục đích để trồng lúa nương cho gia đình không vì mục đích phá rừng thu lợi bất chính.

Cáo trạng số: 58/CT-VKSKV2-ĐB ngày 12/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên truy tố bị cáo Vừ A S về tội: "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2025).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; khoản 1, 2 Điều 65, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm. Giao bị cáo cho UBND xã N giám sát giáo dục gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01

con dao quắm. Đối với toàn bộ số lâm sản bị chặt phá nay đã mục nát nên không đề nghị xử lý.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị thiệt hại do rừng bị chặt phá số tiền 46.008.109đ vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã nộp 3.000.000đ tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 43.008.109 đ.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa nhất trí với việc truy tố và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do kinh tế khó khăn, cần có đất canh tác không vì mục đích khác; bản thân dân tộc thiểu số không được đi học, sinh sống vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có hạn chế; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, đầu thú, đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt để cho bị cáo mức án 3 năm tù cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch cho bị cáo. Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Ti liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; nguyên đơn dân sự không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định các cơ quan tố tụng là hợp pháp.

[2] Xét sự vắng mặt của đại diện UBND xã N - nguyên đơn dân sự trong vụ án, xét thấy nguyên đơn dân sự đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, có đơn xin xét xử vắng mặt nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn dân sự.

[3] Xét hành vi bị cáo Vừ A S đã thực hiện:

Tại phiên tòa bị cáo Vừ A S giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra không bổ sung thêm nội dung gì, nhất trí với việc truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo khai nhận đã được nghe tuyên truyền về việc không được chặt phá rừng phòng hộ, gia đình còn ký cam kết bảo vệ rừng hàng năm nhưng vì muốn mở rộng đất để trồng lúa nương nên bị cáo đã cố ý vi phạm quy định bảo vệ rừng, chặt phá rừng phòng hộ. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với Bản kết luận điều tra; Bản cam kết bảo vệ rừng năm 2025 của gia đình; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/01/2025; Kết luật giám định số: 01/KL-GĐ ngày 02/3/2026; Kết luận định giá Ti sản số 2188/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2026; Bản đồ điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng; bản ảnh hiện trường vụ hủy hoại rừng; vật chứng thu giữ trong vụ án và các Ti liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định đầu tháng 11 năm 2025, Vừ A S đã có hành vi sử dụng 01 con dao quắm bằng kim loại và 01 chiếc cưa máy để chặt phá, hủy hoại 7.670 m^2 rừng phòng hộ tại lô 6, 7, 10 khoảnh 11, tiểu khu 790 thuộc bản H, xã N, tỉnh Điện Biên, do Uỷ ban nhân dân xã N, tỉnh Điện Biên quản lý và bảo vệ. Mục đích lấy đất trồng lúa nương. Gây thiệt hại về rừng là 46.008.109 đồng. Hành vi của Vừ A S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý rừng của nhà nước, môi trường sinh thái, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội. Vừ A S là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự cố ý phạm tội nên hành vi của bị cáo Vừ A S đã phạm vào tội " Hủy hoại rừng" quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Điều 243. "Tội hủy hoại rừng" quy định:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

....

e) Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);

Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Tuy nhiên xuất phát từ tập quán canh tác du canh của đồng bào dân tộc Mông và xuất phát từ hoàn cảnh kinh tế khó khăn cần đất để sản xuất nên bị cáo mới cố ý phạm tội như ngày hôm nay.

Bản thân bị cáo không được đi học, là người dân tộc thiểu số sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có hạn chế; có nhân thân tốt, chưa từng bị xét xử, xử phạt hành chính trước khi phạm tội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả do hành vi gây ra (bị cáo tự nguyện nộp 3.000.000đ tiền bồi thường tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên); bản thân nhận thức được sai phạm đã ra đầu thú mong được hưởng sự khoan hồng pháp luật; nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy phân tích của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo về tính chất hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt: Như phân tích tại mục [3, 4] cho thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo cho nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ

luật Hình sự và theo Điều 2 Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo.

Khi áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự cần hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27/2026/HHST –LCĐKNCT ngày 27/7/2026 áp dụng cấm đi khởi nơi cư trú đối với bị cáo đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định " *Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 40.000.000đ đến 200.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".* Về hình phạt bổ sung là phạt tiền xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo không có Ti sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với diện tích rừng bị chặt phá cho nhà nước theo giá trị do Hội đồng định giá đã xác định là: 46.008.109 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp 3.000.000đ, còn 43.008.109 đồng bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

[7] Vật chứng vụ án: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 60cm là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tai điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với toàn bộ cây rừng (1411 cây) bị chặt hạ, theo văn bản xác minh ngày 23/4/2026 cho thấy toàn bộ số cây trên tại hiện trường đã khô ải, nứt, mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Về án phí:* bị cáo là người dân tộc Mông, sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về các vấn đề khác trong vụ án: Đối với Vàng A T không biết Vừ A S mượn máy cưa để sử dụng vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý đối với T. Chiếc máy cưa đã hư hỏng bán sắt vụn nên không đề cập xử lý.

Đối với UBND xã N và cán bộ kiểm lâm có trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng quá trình điều tra cho thấy đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao nên không đề cập xử lý.

[10]. Kiến nghị UBND xã N: Từ vụ án trên cho thấy một trong những nguyên nhân hủy hoại rừng hiện nay tại địa phương là do phong tục canh tác du canh của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số, do đó, địa phương cần đẩy mạnh tuyên truyền để bà con thay đổi thói quen canh tác, mặc khác phải quy hoạch vùng sản xuất nương, rẫy và hướng dẫn cho bà con cách cải tạo đất để canh tác luân canh nâng cao đời sống cho bà con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vừ A S (không có tên gọi khác) phạm tội: "Hủy hoại rừng".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vừ A S 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án 12/8/2026.

Giao bị cáo cho UBND xã N, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo

Vừ A S phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 46.008.109 đồng. Bị cáo đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai số 0000229 ngày 02/6/2026 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 43.008.109 đồng làm tròn số 43.008.000đ (bốn mươi ba triệu, không trăm linh tám nghìn đồng)

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 60cm, cán dao bằng gỗ dài 24cm, đường kính 3cm; chuôi dao bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5cm, phần hẹp nhất của lưỡi dao là 3cm, sống dao dày 0,5cm, phần mỏ quắm dài 4cm. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Điện Biên và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Điện Biên.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Miễn án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch và án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Vừ A S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 12/8/2026. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
-VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 2 - Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa
- UBND xã N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga